

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8340404

NĂM 2022

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng được ban hành lần đầu tiên theo quyết định số 934/QĐ-ĐHTM ngày 18/6/2021. Chương trình đào tạo người học có kiến thức cập nhật, nâng cao về quản trị - quản lý và kiến thức toàn diện, chuyên sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành quản trị nhân lực thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo trong việc ứng dụng quy trình quản lý; có năng lực đánh giá, giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý lao động và quản trị nhân lực.

Trong lần rà soát, cải tiến năm 2022, chương trình đào tạo đã có một số điều chỉnh sau:

- Chỉnh sửa chuẩn đầu ra để đảm bảo tính đo lường và khả năng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học; sắp xếp lại nhóm chuẩn đầu ra gồm 3 nhóm: Kiến thức, Kỹ năng, Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được tách riêng một chuẩn đầu ra độc lập không thuộc 3 nhóm trên
- Chỉnh sửa, cập nhật các đề cương học phần để đáp ứng được mục tiêu của đào tạo định hướng ứng dụng.

2. Thông tin chung

NGÀNH ĐÀO TẠO:	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
MÃ NGÀNH :	8340404
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO	ỨNG DỤNG
THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	1,5 - 2 NĂM
SỐ TÍN CHỈ:	60
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN	KHOA QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO:	TIẾNG VIỆT
WEBSITE	https://saudaihoc.tmu.edu.vn/

3. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường

Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành; có thể mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Phát triển Trường Đại học Thương mại theo mô hình “Trường đại học tự chủ, tự chịu trách

nhệm” với chất lượng các nguồn lực và năng lực cốt lõi để trở thành:

- Một trung tâm đào tạo chất lượng cao các trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ với chương trình đào tạo tiên tiến; đội ngũ giảng viên có trình độ học thuật và sư phạm cao;

- Một trung tâm nghiên cứu, hợp tác trong nước và quốc tế; chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức có uy tín cao trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại của quốc gia và quốc tế;

- Một trường đại học triển khai thành công mô hình quản trị đại học tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin và quản lý hiện đại, kết hợp thực hành văn hóa tổ chức, nhấn mạnh các giá trị truyền thống, trách nhiệm và sáng tạo; lấy sự hài lòng của người học về chất lượng và giá trị dịch vụ đào tạo, sự gắn bó và đoàn kết của viên chức Nhà trường làm tiêu điểm;

- Một trường đại học có vị thế và thương hiệu mạnh dựa trên giá trị dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; có uy tín cao, hình ảnh thân thiện với các đối tác và cộng đồng xã hội;

- Một trường đại học được đánh giá và thừa nhận là một trong các trường đại học dẫn đầu về chất lượng toàn diện các hoạt động trong kiểm định và xếp hạng trường đại học Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

4. Mục tiêu giáo dục của Trường

1. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động theo định hướng đổi mới quản trị đại học và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, từng bước đáp ứng theo chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng cao của xã hội; tiếp tục phát triển các ngành/chương trình đào tạo mới gắn với sự phát triển của nền kinh tế số; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

3. Tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô đào tạo hợp lý trong điều kiện các chương trình đào tạo được phát triển theo sự thay đổi của nhu cầu thị trường lao động; đảm bảo tương thích giữa quy mô, nhu cầu xã hội về các ngành nghề, năng lực đào tạo và yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

4. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường và công bố công khai kết quả kiểm định.

5. Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên; tập trung phát triển một số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược, được công nhận ở tầm quốc gia; gắn kết hoạt động NCKH với nâng cao chất lượng đào tạo.

6. Duy trì và tăng cường mối quan hệ bền vững với các đối tác quốc tế truyền thống, phát triển các dự án hợp tác đào tạo với các trường đại học quốc tế có uy tín, được xếp thứ hạng cao trên thế giới.

7. Phát triển quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, mở rộng hợp

tác quốc tế trong lĩnh vực NCKH, đẩy mạnh hoạt động trao đổi sinh viên, giảng viên, nhà nghiên cứu và thu hút sinh viên quốc tế theo học tại Trường.

8. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên phục vụ đạt chuẩn theo qui định.

9. Phát triển hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động khác của Nhà trường.

10. Phát triển và đa dạng hoá các nguồn lực tài chính, tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH; đảm bảo thực hiện cơ chế tự chủ tài chính bền vững.

5. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học có kiến thức cập nhật, nâng cao về quản trị - quản lý và kiến thức toàn diện, chuyên sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành quản trị nhân lực thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo trong việc ứng dụng quy trình quản lý; có năng lực đánh giá, giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý lao động và quản trị nhân lực. Đồng thời có thể học bổ sung một số kiến thức ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo để tiếp tục học và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

6.1. Yêu cầu về kiến thức

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn đầu ra về kiến thức sau:

(PLO1): Có tư duy phản biện, vận dụng tốt phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản.

(PLO2): Đánh giá những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở vận dụng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu rộng, tiên tiến ngành quản trị nhân lực, kiến thức liên ngành, kiến thức về quản trị kinh doanh và quản lý để đưa ra các quyết định quản trị giải quyết vấn đề...

6.2. Yêu cầu về kỹ năng

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sau:

(PLO3): Thực hành được kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực, quản lý lao động một cách khoa học

(PLO4): Thực hành được kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức về quản trị nhân lực, quản lý lao động dựa trên nghiên cứu, thảo luận ứng dụng các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và những người khác.

(PLO5): Thực hành được kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

6.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm sau:

(PLO6): Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp (hoạch định, tổ chức triển khai, đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, dự án R&D trong việc thu hút, duy trì, phát triển và sử dụng nhân lực; kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng để tạo lập, duy trì, phát triển và giải quyết xung đột, tranh chấp, đình công trong quan hệ lao động của tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh mới; tham mưu và ra quyết định trong việc xây dựng, tổ chức thực thi các công cụ quản lý nhà nước về lao động).

(PLO7): Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia, những sáng kiến quan trọng để phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn quản trị nhân lực, quản lý lao động.

(PLO8): Có năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến và quyết định phương hướng phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn.

(PLO9): Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực; Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội.

6.4. Yêu cầu về ngoại ngữ

(PLO10): Người học có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng chung cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên).

7. Vị trí làm việc và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

7.1. Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt

- Chuyên viên, tư vấn viên, chuyên gia về quản trị nhân lực, quản lý lao động;
- Nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà quản trị nhân lực, quản lý lao động và có liên quan ở các cấp;
- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng về quản trị nhân lực, quản lý lao động.

7.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;
- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị nhân lực.
- Cơ quan Chính phủ, Bộ, Ngành trung ương; các cơ quan quản lý địa phương, tổ chức lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể tại các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ quản lý lao động, quản trị nhân lực và liên quan.

8. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước
- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

9.1. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước ngành phù hợp với ngành quản trị nhân lực. Danh mục ngành phù hợp được quy định ở Phụ lục 01.

9.2 Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

9.3. Điều kiện tốt nghiệp: Được công nhận tốt nghiệp khi (1) hoàn thành CTĐT và đáp ứng các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường và (2) có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên).

10. Phương pháp giảng dạy và học tập: Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

11. Phương pháp đánh giá

11.1. Đánh giá tiến trình

11.2. Đánh giá tổng kết

12. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang chữ

13. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

HỌC PHẦN	Mã HP
KIẾN THỨC CHUNG	
Triết học	TRHO0118
Phương pháp nghiên cứu khoa học	NCKH0218
Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet	TKTT0318
Tiếng Anh tăng cường	TATC0418
KIẾN THỨC NGÀNH	
Các học phần bắt buộc	
Quản lý nhà nước về lao động	QLLD0318
Tiêu chuẩn lao động quốc tế	TCLD0518
Kinh tế nguồn nhân lực	KTNN118
Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)	
Pháp luật lao động	PLLD0728
Lãnh đạo và quản lý	LĐQL0918

Dân số và phát triển	DSPT0628
Quản trị vận hành	QTVH1528
Thương mại và đầu tư quốc tế	TMQT1928
Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	SHTT1728
Chuyên đề thực tế 1	CDNL1318
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	
Các học phần bắt buộc	
Quản trị nhân lực	QUNL1028
Quan hệ lao động	QHLĐ1218
Quản trị thành tích	QTTT1518
Các học phần tự chọn (chọn 6 trong 12 học phần)	
Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	TNXH2528
Quản trị công ty	QTCT1518
Quản trị sự thay đổi	QSTD0728
Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	UDĐT1528
Kiểm soát nội bộ	KSNB1628
Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	DMST1628
Công nghệ và đổi mới tài chính	CNTC1728
Thống kê ứng dụng trong kinh tế	TKUD0828
Truyền thông và PR của doanh nghiệp	TTPR2528
Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	QCDN1928
Marketing thương mại trong môi trường số	MATM1318
Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	DECO0511
Chuyên đề thực tế 2	CDNL2918
THỰC TẬP	TTAPNL2918
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	DATN3018

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. KIẾN THỨC CHUNG	11	
2. KIẾN THỨC NGÀNH	14	
2.1. Các học phần bắt buộc	6	3 học phần
2.2. Các học phần tự chọn	6	Chọn 3 trong 6 học phần
2.3. Chuyên đề thực tế 1 (kiến thức ngành)	2	
3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	20	

3.1. Các học phần bắt buộc	6	3 học phần
3.2. Các học phần lựa chọn	12	Chọn 6 trong 12 học phần
3.3. Chuyên đề thực tế 2 (kiến thức ngành)	2	
4. THỰC TẬP	6	Thực tập tại đơn vị thực tế phù hợp với ngành đào tạo
5. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	9	
TỔNG SỐ	60	

2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Học phần	Mã HP	Số tín chỉ	Kỳ học (dự kiến)
	1. KIẾN THỨC CHUNG		11	
1	Triết học	TRHO0118	4	1
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	NCKH0218	2	1
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	TKTT0318	2	1
4	Tiếng Anh tăng cường	TATC0418	3	3
	2. KIẾN THỨC NGÀNH		14	
	2.1. Các học phần bắt buộc		6	
5	Quản lý nhà nước về lao động	QLLD0318	2	1
6	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	TCLD0518	2	1
7	Kinh tế nguồn nhân lực	KTNN118	2	1
	2.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong số 6 học phần sau)		6	
8	Pháp luật lao động	PLLD0728	2	1
	Lãnh đạo và quản lý	LĐQL0918	2	1
	Dân số và phát triển	DSPT0628	2	1
9	Quản trị vận hành	QTVH1528	2	1
	Thương mại và đầu tư quốc tế	TMQT1928	2	1
10	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	SHTT1728	2	1

11	2.3. Chuyên đề thực tế 1 (kiến thức ngành)	CDNL1318	2	1
	3.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		20	
	3.1. Các học phần bắt buộc		6	
12	Quản trị nhân lực	QUNL1028	2	2
13	Quan hệ lao động	QHLĐ1218	2	2
14	Quản trị thành tích	QTTT1518	2	2
	3.2. Các học phần tự chọn (chọn 6 trong số 12 học phần)		12	
15	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	TNXH2528	2	2
	Quản trị công ty	QTCT1518	2	2
	Quản trị sự thay đổi	QSTĐ0728	2	2
16	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	UDĐT1528	2	2
17	Kiểm soát nội bộ	KSNB1628	2	2
	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	DMST1628	2	2
	Công nghệ và đổi mới tài chính	CNTC1728	2	2
18	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	TKUD0828	2	2
19	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	TTPR2528	2	2
20	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	QCDN1928	2	2
	Marketing thương mại trong môi trường số	MATM1318	2	3
	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	DECO0511	2	3
21	3.3. Chuyên đề thực tế 2 (Kiến thức chuyên ngành)	CDNL2918	2	3
22	4. THỰC TẬP	TTAPNL2918	6	2
23	5. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	DATN3018	9	4

3. Ma trận đáp ứng giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 3.1: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VÀ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Mã hóa các chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra	Mã chuẩn đầu ra
1	Chuẩn đầu ra thứ 1: Có tư duy phản biện, vận dụng tốt phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản.	PLO1
2	Chuẩn đầu ra thứ 2: Đánh giá những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở vận dụng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu rộng, tiên tiến ngành quản trị nhân lực, kiến thức liên ngành, kiến thức về quản trị kinh doanh và quản lý để đưa ra các quyết định quản trị giải quyết vấn đề	PLO2
3	Chuẩn đầu ra thứ 3: Thực hành được kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực, quản lý lao động một cách khoa học	PLO3
4	Chuẩn đầu ra thứ 4: Thực hành được kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức về quản trị nhân lực, quản lý lao động dựa trên nghiên cứu, thảo luận ứng dụng các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và những người khác	PLO4
5	Chuẩn đầu ra thứ 5: Thực hành được kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động	PLO5
6	Chuẩn đầu ra thứ 6: Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp	PLO6
7	Chuẩn đầu ra thứ 7: Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia, những sáng kiến quan trọng để phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn quản trị nhân lực, quản lý lao động	PLO7
8	Chuẩn đầu ra thứ 8: Có năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến và quyết định phương hướng phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn	PLO8
9	Chuẩn đầu ra thứ 9: Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực; Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội	PLO9
10	Chuẩn đầu ra thứ 10: Người học có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng chung cho Việt Nam	PLO10

STT	HỌC PHẦN	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Triết học Mác Lê Nin	x	x	x							x
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x	x	x						
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet					x		x			
4	Tiếng Anh tăng cường										x
5	Quản lý nhà nước về lao động	x		x	x						
6	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	x				x					
7	Kinh tế nguồn nhân lực	x		x					x		
8	Pháp luật lao động				x			x			x
9	Lãnh đạo và quản lý	x		x		x					
10	Dân số và phát triển	x	x	x	x					x	
11	Quản trị vận hành			x	x	x					
12	Thương mại và đầu tư quốc tế		x	x	x					x	
13	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	x	x	x							
14	Chuyên đề thực tế 1	x				x		x			
15	Quản trị nhân lực	x		x	x						
16	Quan hệ lao động	x			x						
17	Quản trị thành tích	x			x						
18	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	x		x		x					
19	Quản trị công ty	x		x	x						
20	Quản trị sự thay đổi	x		x	x						
21	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	x	x			x					
22	Kiểm soát nội bộ	x			x			x		x	

23	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x			x			x			
24	Công nghệ và đổi mới tài chính	x			x						
25	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	x			x						
26	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	x		x	x						
27	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	x	x		x						
28	Marketing thương mại trong môi trường số	x		x	x						
29	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	x	x	x				x			
30	Chuyên đề thực tế 2		x		x			x		x	
31	THỰC TẬP	x		x		x	x			x	
32	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

4. Mô tả các học phần

Bảng 4. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học	Với cách tiếp cận hệ thống, học phần Triết học giúp học viên nắm được những kiến thức triết học cơ bản trong toàn bộ tiến trình lịch sử triết học; củng cố tri thức triết học triết học Mác - Lênin phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn kinh tế; nâng cao năng lực vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và việc giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Học phần Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (<i>chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận</i>); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (<i>chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người</i>).
2	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	Học phần cung cấp cho học viên cao học những kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó học viên có thể phát triển kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận văn thạc sĩ trên cả hai góc độ: Phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu nói chung và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện luận văn thạc sĩ nói riêng. Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.

3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet nhằm phát triển kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu về các công cụ và kỹ thuật tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ các hoạt động khác nhau của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân như : khai thác thông tin thị trường, tìm hiểu nhu cầu của một khu vực thị trường cụ thể, tìm kiếm các đối tác, nhà cung cấp, bạn hàng kinh doanh, tìm kiếm các thông tin phục vụ cho các hoạt động học tập nghiên cứu... một cách chính xác, hiệu quả với sự tiết kiệm tối đa chi phí. Học phần là cơ sở nền tảng giúp học viên cao học tiếp cận và thuận lợi hơn trong nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng ứng dụng của các ngành đào tạo thạc sỹ như: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kinh doanh thương mại, Tài chính ngân hàng, Quản lý Kinh tế, Quản trị nhân lực, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
4	Tiếng Anh tăng cường	Học phần Tiếng Anh tăng cường được thiết kế cho đối tượng người học đã đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực Tiếng Anh 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần củng cố các hiện tượng ngữ pháp như thời của động từ, câu điều kiện, động từ tình thái, câu bị động, so sánh, mệnh đề quan hệ...; mở rộng vốn từ vựng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như phong cách sống, nghệ thuật, khoa học, kiến thức...; phát triển các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết trong các ngữ cảnh khác nhau như trao đổi về dự án, thảo luận về các thách thức trong cuộc sống, mô tả tính năng của mạng xã hội...bằng tiếng Anh; cải thiện kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm và giải quyết vấn đề.
5	Quản lý nhà nước về lao động	Quản lý nhà nước về lao động là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị những nguyên lý cơ bản về quản lý nhà nước về lao động bao gồm các nội dung: Hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách về lao động; Tổ chức quản lý nhà nước về lao động; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động. Sau khi hoàn thành học phần, người học biết, nắm bắt, vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước về lao động, những nội dung, công cụ quản lý nhà nước về lao động theo quy định của pháp luật. Trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về xây dựng, thực thi, thanh tra, kiểm

		tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chính sách về lao động ở tầm vĩ mô (quốc gia, ngành, địa phương) theo quy định của luật lao động về các nội dung của quản lý nhà nước về lao động.
6	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản và cập nhật về các tiêu chuẩn lao động quốc tế, đồng thời giúp người học có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy, quy chế và có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân ... Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra theo quy định. Tiêu chuẩn lao động quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về tổ chức lao động quốc tế; Tiêu chuẩn lao động quốc tế (sự cần thiết, quy trình xây dựng, quy trình phê chuẩn; cơ chế giám sát, khuyến trợ) và Tuyên bố 1998 cùng các tiêu chuẩn lao động cơ bản; Tiêu chuẩn lao động trong các Hiệp định thương mại; Tiêu chuẩn lao động trong các định chế quốc tế khác.
7	Kinh tế nguồn nhân lực	Học phần có vị trí là học phần thuộc bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế và kinh doanh thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực; Cầu lao động; Cung lao động, cân bằng thị trường lao động; Xây dựng và phát triển thị trường lao động; Đào tạo nhân lực và đầu tư cho đào tạo và phát triển vốn nhân lực; Năng suất lao động và tiền lương đối với người lao động. Học phần có mối quan hệ với học phần kinh tế học vĩ mô trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và kinh doanh thương mại.
8	Pháp luật lao động	Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường đại học Thương mại. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về pháp luật lao động, với tư cách là một công cụ quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động trong bối cảnh kinh tế xã hội mới hiện nay. Học phần đi sâu

		nghiên cứu các qui định của pháp luật điều chỉnh các vấn đề pháp lý về quan hệ lao ở Việt Nam cũng như các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài, tiếp cận với hệ thống pháp luật lao động quốc tế và khu vực. Học phần được nghiên cứu trong mối quan hệ với các học phần khác, hình thành khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nhân lực.
9	Lãnh đạo và quản lý	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về lãnh đạo và quản lý với các nội dung như: tổng quan về lãnh đạo và quản lý; vị trí, vai trò và năng lực của nhà lãnh đạo, nhà quản lý trong tổ chức; các nội dung lãnh đạo và quản lý ở cả góc độ lý luận và thực tế.
10	Dân số và phát triển	Học phần xem xét mối quan hệ qua lại giữa dân số và phát triển thông qua một số lý thuyết và mô hình được coi là nguyên nhân cũng như hệ quả của việc tăng dân số đối với quá trình phát triển. Học phần cũng phân tích tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giữa dân số với các vấn đề xã hội, giữa dân số với tài nguyên và môi trường. Sau đó sẽ phân tích ảnh hưởng của tăng trưởng dân số đến phát triển bền vững và lựa chọn chính sách điều chỉnh hướng tới phát triển bền vững ở các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.
11	Quản trị vận hành	Quản trị vận hành (operations management) đề cập tới việc thiết kế, thực hiện và cải tiến quá trình vận hành của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Học phần đề cập tới các nội dung nâng cao của quản trị vận hành bao gồm: Tổng quan về quản trị vận hành; Thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quy trình vận hành; Bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ; Lý thuyết xếp hàng trong vận hành quy trình dịch vụ và Ứng dụng 6 sigma và công cụ solver trong quản trị vận hành.
12	Thương mại và đầu tư quốc tế	Học phần này bao gồm những kiến thức khái quát về hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế: vai trò, các hình thức của thương mại và đầu tư quốc tế, các nguyên tắc trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, xu hướng phát triển của hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thông tin thực tế về những

		vấn đề luôn có tính thời sự, cần thiết đối với các nhà quản lý và các doanh nghiệp, bao gồm các rào cản trong thương mại quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, vấn đề tạo thuận lợi thương mại, hiệu quả kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu, thực trạng của các hoạt động đầu tư FDI, ODA trên thế giới và ở Việt Nam.
13	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	Học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng và nâng cao về lý luận và thực tiễn trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của tổ chức. Các nội dung chủ yếu của học phần gồm: Xác lập mô hình và hoạch định chiến lược sở hữu trí tuệ, phát triển nguồn tài sản trí tuệ; kiểm toán, và bảo vệ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức khai thác các tài sản trí tuệ của tổ chức.
14	Chuyên đề thực tế 1	Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động ở Việt Nam
15	Quản trị nhân lực	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng nâng cao về quản trị nhân lực trong các tổ chức/ doanh nghiệp, trau dồi khả năng tư duy, tầm nhìn chiến lược, tính chủ động, khả năng phát huy năng lực cá nhân và quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ và thăng tiến trong công việc. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sỹ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: chiến lược nguồn nhân lực, thiết kế và phân tích công việc, sử dụng và phát triển nhân lực, đãi ngộ nhân lực và một số xu hướng quản trị nhân lực hiện đại.
16	Quan hệ lao động	Trang bị cho người học những kiến thức thực tế và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về quan hệ lao động và kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng, giải quyết tranh chấp lao động, đình công. Học phần còn tạo cơ sở giúp người học rèn luyện kỹ năng xây dựng và duy trì được quan hệ lao động lành mạnh trên cơ sở chủ động đối thoại; giải quyết tranh chấp lao động trên nguyên tắc tôn trọng, hợp tác, thương lượng, tự định đoạt. Học phần Quan hệ lao động thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản trị

		nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về quan hệ lao động, quan hệ lao động lành mạnh; Quản lý nhà nước về quan hệ lao động; Kiến thức và kỹ thuật nhận diện, thực hành và giải quyết: đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng trong quan hệ lao động, tranh chấp lao động và đình công.
17	Quản trị thành tích	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị thành tích của các bộ phận và cá nhân trong các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị thành tích trong các tổ chức, doanh nghiệp; hình thành và rèn luyện các kỹ năng liên quan đến quản trị thành tích cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sỹ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái quát về quản trị thành tích, quy trình xây dựng hệ thống quản trị thành tích; các công cụ cơ bản trong triển khai quản trị thành tích như: BSC và KPI, OKR, ứng dụng khung năng lực trong quản trị thành tích; truyền thông, đào tạo và mô hình DEFT trong quản trị thành tích.
18	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị thực hành trách nhiệm xã hội trong các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị thực hành trách nhiệm xã hội trong các tổ chức, doanh nghiệp; hình thành và rèn luyện các kỹ năng liên quan đến quản trị thực hành trách nhiệm xã hội cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sỹ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: tổng quan về thực hiện trách nhiệm xã hội, hoạch định thực hành trách nhiệm xã hội, tổ chức triển khai thực hành trách nhiệm xã hội, đánh giá, cải tiến

		thực hành trách nhiệm xã hội, truyền thông và công bố thực hiện trong quản trị thực hành trách nhiệm xã hội.
19	Quản trị công ty	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nâng cao và cập nhật về quản trị công ty và quy trình hoạch định hoạch định hệ thống quản trị công ty của doanh nghiệp trên cơ sở nhận diện các yếu tố ảnh hưởng, luận giải, đánh giá, so sánh và vận dụng sáng tạo đa dạng các lý thuyết cũng như các mô hình, nguyên tắc, thông lệ trong quản trị công ty khác nhau trên thế giới. Người học cũng được trang bị các kiến thức và kỹ năng để kiểm soát điều hành và đánh giá thực lực quản trị cũng như uy tín và như triển vọng của các công ty. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng sáng tạo vào việc thiết lập hệ thống quản trị công ty trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp phát huy tối đa mạng giá trị, tạo ra sự minh bạch tin cậy đồng thời quy tụ sức mạnh của các bên bao gồm cả Hội đồng quản trị, ban giám đốc, cổ đông, nhà đầu tư, người lao động và các bên có liên quan khác.
20	Quản trị sự thay đổi	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị sự thay đổi với các nội dung như: các hình thức và mức độ của sự thay đổi, bản chất và sự cần thiết của quản trị sự thay đổi, nội dung quản trị sự thay đổi, vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi.
21	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	Thông qua nội dung của học phần, học viên cao học có được một kiến thức tổng hợp về ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp thuộc các ngành và lĩnh vực kinh doanh khác nhau, góp phần tạo nên một tư duy và một tầm nhìn rộng mở hơn đối với quản trị các hoạt động kinh doanh thương mại trong bối cảnh các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới triển khai ứng dụng rộng rãi các thành tựu của công nghệ thông tin - truyền thông và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.
22	Kiểm soát nội bộ	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại về kiểm soát nội bộ trên các nội dung chủ yếu: Tổng quan về KSNB, vai trò của KSNB trong bối cảnh gia tăng rủi ro từ môi trường kinh doanh và rủi ro trong nội bộ tổ chức; mối quan hệ giữa KSNB với quản trị công ty; các khuôn mẫu KSNB phổ biến trên thế giới: theo khuôn mẫu COSO, COBIT (USA), COCO

		(Canada).... và vận dụng nguyên lý chung để thiết kế quy trình, thủ tục KSNB đối với một số chu trình chủ yếu trong đơn vị.
23	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp cũng như các kiến thức và kỹ năng để khởi nghiệp sáng tạo trong bối cảnh của Việt Nam. Học phần bao gồm 5 nội dung chính như sau: Tổng quan về đổi mới, sáng tạo; Tổng quan về khởi nghiệp sáng tạo; Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo; Mô hình khởi nghiệp sáng tạo; và Các nguồn tài chính cho khởi nghiệp sáng tạo.
24	Công nghệ và đổi mới tài chính	Học phần Fintech và đổi mới tài chính nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức về FINTECH, kỹ năng ra quyết định, phân tích và đánh giá các lựa chọn đổi mới tài chính liên quan tới FINTECH, giúp người học có khả năng giải quyết các tình huống ứng dụng công nghệ trong tài chính. Nội dung của học phần Công nghệ và đổi mới tài chính bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về FINTECH; Các giải pháp ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp FINTECH; Tài trợ và đầu tư với FINTECH; Đổi mới tài chính với FINTECH.
25	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	Học phần nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về ứng dụng thống kê trong kinh tế và kinh doanh. Sau khi hoàn thành chương trình, người học có thể thực hiện thành thạo việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin thống kê phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động tác nghiệp thường xuyên.
26	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	Là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ của các chuyên ngành Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại. Học phần cung cấp các kiến thức và các kỹ năng trong xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch và đánh giá hoạt động truyền thông và PR của doanh nghiệp hỗ trợ đắc lực và đóng góp tốt nhất vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.
27	Quản trị chất lượng ứng	Học phần trang bị cho người học những thay đổi về nhận thức và các cách tiếp cận mới về chất lượng và quản trị chất lượng của doanh nghiệp trong kinh doanh hiện đại; Giúp người học

	dụng trong doanh nghiệp	có khả năng ứng dụng các phương pháp và công cụ phù hợp để quản trị chất lượng trong doanh nghiệp theo từng khía cạnh liên quan đến quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp; Quản trị chất lượng các quá trình và hoạt động tác nghiệp; Quản trị chất lượng các yếu tố tổ chức như thông tin, nhân lực, mối quan hệ nhà cung cấp và khách hàng, môi trường nội bộ và văn hóa doanh nghiệp; Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có thái độ và nhận thức đúng đắn về chất lượng, có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản lý và đảm bảo chất lượng các hoạt động tác nghiệp của cá nhân cũng như các yếu tố tổ chức của doanh nghiệp, phù hợp với bối cảnh kinh doanh hiện đại, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững và khả năng thích ứng cao với những thay đổi trong xu hướng môi trường kinh doanh mới.
28	Marketing thương mại trong môi trường số	Là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành của chương trình cao học chuyên ngành marketing thương mại. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng phân tích marketing, hoạch định chiến lược marketing và triển khai các quyết định và ứng xử tác nghiệp marketing mix theo cách tiếp cận chuỗi giá trị trong môi trường số ở các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.
29	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Môn học cung cấp cơ sở kiến thức của lý thuyết ra quyết định và cung cấp các ý tưởng về định lượng phương pháp trong quản lý. Học phần còn cung cấp cho học viên những kỹ năng giải quyết một số bài toán thực tế bằng các phương pháp định lượng như quy hoạch, quy hoạch, quy hoạch đa mục tiêu và bài toán sơ đồ mạng lưới và sử dụng chúng để đưa ra các quyết định trong quản lý.
30	Chuyên đề thực tế 2	Thực tiễn vận hành quản trị nhân lực và quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số
31	Thực tập	Thực tập là một nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị nhân lực định hướng ứng dụng. Thực hiện quá trình này học viên tìm hiểu, phân tích, đánh giá thực tiễn và vận dụng sáng tạo kiến thức để phát hiện vấn đề chuyên môn quản trị nhân lực của đơn vị thực tập. Học viên có thể thực tập tại một tổ chức/doanh nghiệp có thời gian hoạt

		động tối thiểu 3 năm, có quy mô đảm bảo và có bộ phận chuyên trách công tác quản trị nhân lực. Báo cáo thực tập phát hiện và xác định vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành cần giải quyết của tổ chức/doanh nghiệp thực tập và đề xuất được định hướng đề án tốt nghiệp ở giai đoạn tiếp theo
32	Đề án tốt nghiệp	Đề án tốt nghiệp của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị nhân lực định hướng ứng dụng là một sản phẩm bao gồm các căn cứ xây dựng; nội dung; tổ chức thực hiện và kết quả dự kiến của một mô hình/giải pháp mới giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn gắn với tổ chức, doanh nghiệp đã Thực tập ở giai đoạn trước. Thực hiện đề án tốt nghiệp giúp học viên rèn luyện khả năng tư duy, vận dụng phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức, kỹ năng phân tích, đánh giá và năng lực về tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động. Học viên thực hiện đề án dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời gian áp dụng: Áp dụng cho khóa đào tạo tuyển sinh từ năm 2022.
- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 1,5 - 02 năm, mỗi năm có 2 học kỳ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Người học nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, người học có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Nội dung cần đạt, phương pháp giảng dạy, phân bố thời lượng (giảng dạy, thảo luận/thực hành/tự học), và đánh giá được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS. Nguyễn Hoàng

PGS, TS. Nguyễn Thị Minh Nhàn

**Phụ lục: Danh mục các ngành đại học được coi là phù hợp với ngành đào tạo trình độ
thạc sĩ Quản trị nhân lực**

Nhóm 1: Các ngành không cần học bổ sung (gồm ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển)	- Ngành đúng: Quản trị nhân lực (7340404) - Ngành gần: Các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Quản trị- Quản lý (73404) bao gồm: Khoa học quản lý (7340401), Quản lý công (7340403), Hệ thống thông tin quản lý (7340404), Quản trị văn phòng (7340406), Quan hệ lao động (7340408), Quản lý dự án (7340409); Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/Kinh tế lao động (7310101); - Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Quản trị nhân lực của Trường Đại học Thương mại: Quản trị kinh doanh, Tiếng Pháp thương mại, Tiếng Trung thương mại, Quản trị khách sạn, Quản trị du lịch và lữ hành, Marketing thương mại, Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại, Thương mại điện tử
Nhóm 2: Các ngành phải học bổ sung đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào cần thiết cho ngành đăng ký dự tuyển	Gồm các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1, cụ thể: Kinh doanh (73401), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Kế toán - Kiểm toán (73403), các nhóm ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý khác (73490), Kinh tế học (73101), Quản lý công nghiệp (75106), Quản lý xây dựng (75803), Quản lý y tế (77208), Công tác xã hội (77601), Quản lý tài nguyên môi trường (78501), Quản lý giáo dục (7140114), Quản lý văn hóa (7229042), Quản lý nhà nước (7310205), Quản lý thông tin (7320205), Kinh doanh xuất bản phẩm (7320402), Quản lý đô thị và công trình (7580106), Kinh doanh nông nghiệp (7620114), Kinh tế nông nghiệp (7620115), Quản lý tài nguyên rừng (7620211), Quản lý thủy sản (7620305), Quản trị dịch vụ du lịch và lĩnh vực và lữ hành (7810103), Quản trị khách sạn (7810202), Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (7810202), Quản lý thể dục thể thao (7810301), Kinh tế gia đình (7810501), Quản lý hoạt động bay (7840102), Kinh tế vận tải (7840104), Quản lý nhà nước về an ninh trật tự (7860109), Quản lý trật tự an toàn giao thông (7860110), Bảo hộ lao động (7850201). - Các ngành/chương trình đào tạo không nằm trong các danh mục kể trên và trong CTĐT đại học có các học phần sau: (i) Toán hoặc toán ứng dụng; (ii) Tin học hoặc ứng dụng công nghệ thông tin; (iii) (Kinh

	tế vĩ mô hoặc Kinh tế vi mô hoặc Kinh tế học hoặc Kinh tế ứng dụng hoặc một học phần thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý. <i>Người dự tuyển tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm 2 phải học bổ sung 5 học phần theo quy định học bổ sung kiến thức hiện hành của Trường.</i>
--	--